

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2021

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Em;

2. Ông Nguyễn Văn Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: ấp T1, xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: ấp T2, xã TB, huyện L, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Lê Minh C, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: ấp T1, xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Chị T, anh C có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều T trình bày:

Chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Minh C kết hôn vào năm 2009, hôn nhân do anh chị được mai mối và tự nguyện đến với nhau. Vợ chồng chị T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre, nay là xã TA, huyện B, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2009. Sau khi cưới, anh chị sống hạnh phúc được 10 năm, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị được mai mối nên ngay từ đầu chị T đã không có tình cảm với anh C; gia đình anh C không

tôn trọng gia đình chị; ngoài ra, trong kinh tế gia đình không cho vợ chồng chị độc lập, vợ chồng làm ra tài sản đều do gia đình chồng quản lý. Anh chị đã ra riêng sống khoảng 08 năm nhưng không có tài sản riêng. Từ những lý do nêu trên vợ chồng thường gây cãi, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, động viên để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh C, chị T ly thân từ 02 năm nay. Hiện tại chị T về sống với ba mẹ ruột tại ấp T2, xã TB, huyện L. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, không ai biết đến ai. Nay chị T xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh C được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: có 02 con chung là Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/11/2009 và Lê Đông D, sinh ngày 16/7/2014. Hai con chung của chị hiện nay đang sống với anh C. Khi ly hôn, chị T đồng ý cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Do chị T bận đi làm nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc, bị đơn anh Lê Minh C trình bày:

Những thông tin về hôn nhân của anh chị, chị T trình bày trên đây là đúng. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến cách đây khoảng 01 năm, anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài nên dẫn đến ghen tuông, nhiều lúc buồn anh hay nhắc lại việc ghen tuông này nên vợ chồng bất hòa. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh đã tìm cách tháo gỡ. Gia đình hai bên tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân, hiện nay chị T về nhà cha mẹ chị T sinh sống từ khoảng 03 - 04 tháng nay. Trong thời gian ly thân chị T không còn quan tâm đến anh, phần anh cũng có nhắn tin xin lỗi, năn nỉ chị T về để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T cương quyết không đồng ý. Nay anh còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/11/2009 và Lê Đông D, sinh ngày 16/7/2014. Hai con chung hiện nay đang sống với anh. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Do anh C bận công việc không nghỉ được nên không đến dự các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại về sau.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2021, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kiều T.

Về con chung: Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/11/2009 và Lê Đông D, sinh ngày 16/7/2014, sau khi ly hôn anh C trực tiếp nuôi 02 con chung; chị T không cấp dưỡng do anh C không yêu cầu.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 29/6/2021, chị Huỳnh Thị Kiều T khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh C. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh C có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh C là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị T:*

Chị T, anh C tự nguyện kết hôn vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện L, tỉnh Bến Tre, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2009. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T, do anh chị được mai mối nên ngay từ đầu chị T đã không có tình cảm với anh C; gia đình anh C không tôn trọng gia đình chị; trong kinh tế gia đình không cho vợ chồng chị độc lập. Còn theo anh C, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh không tin tưởng chị T, nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm bên ngoài nên anh ghen tuông dẫn đến mất hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị T, anh C đã tìm cách tháo gỡ

mâu thuẫn. Gia đình hai bên biết anh chị bất hòa và đã tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị T, anh C ly thân từ 02 năm nay. Trong thời gian ly thân, cả hai sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị T xác định không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh C không đồng ý vì còn tình cảm với chị T. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay anh C không có động thái nào để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng anh. Tại bản tự khai ngày 22/11/2021, chị T xác định tình trạng của vợ chồng chị không có cải thiện, ngày càng mâu thuẫn, bất hòa hơn nữa, nguyên nhân mâu thuẫn chưa được tháo gỡ, vợ chồng anh C, chị T còn ly thân và đến nay chị T vẫn còn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh C. Điều này có cơ sở khẳng định, tình trạng của vợ chồng chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh C, chị T có 02 con chung là Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/11/2009 và Lê Đông D, sinh ngày 16/7/2014. Khi ly hôn, chị T đồng ý cho anh C được tiếp tục nuôi 02 con chung. Anh C cũng đồng ý nên ghi nhận; sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A và cháu D. Cần giao 02 con chung của anh C, chị T cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết anh C có quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị T, anh C đều xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Chị T, anh C không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kiều T xin ly hôn đối với anh Lê Minh C;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Kiều T với anh Lê Minh C.

* Về nuôi con chung: giao 02 (hai) con chung là Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/11/2009 và Lê Đông D, sinh ngày 16/7/2014 cho anh Lê Minh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận anh Lê Minh C không yêu cầu chị Huỳnh Thị Kiều T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Kiều T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Lê Minh C không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Huỳnh Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002284 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- UBND xã TB, huyện L;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung